

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHƯỚC VINH AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Thu Hường	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Vũ Thị Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Thị Minh Duyên	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Giáo viên	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thái Hùng	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Văn Phước	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
7	Đặng Thị Kim Phương	Tổ Trưởng Văn phòng	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
9	Hà Thị Thanh Loan	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thanh	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Bảo Châu	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
12	Huỳnh Đại Phúc	Tổ Phó chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
13	Phan Thị Ngọc Thu	Ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên hội đồng	
14	Nguyễn Hoàng Tân	Tổng phụ trách	Ủy viên hội đồng	
15	Ngô Nguyễn Minh Quân	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
16	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Kế toán	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2 : Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, Giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên và Học sinh	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	35
Tiêu chí 2.2: Đối với Giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40
Tiêu chí 2.4 : Đối với Học sinh	41
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	44
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	46
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	48
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	49
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	51

Tiêu chí 3.6: Thư viện	53
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	55
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	56
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	58
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	61
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	61
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh có năng khiếu, Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	64
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	66
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	68
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho Học sinh	69
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	72
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	75
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV. PHỤ LỤC DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	76

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An
 Tên trước đây: Trường Phổ thông cơ sở cấp 2 Phước Vĩnh An
 Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân huyện Củ Chi

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Thị Thu Hường
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Củ Chi	Điện thoại	02837905399
Xã /phường/thị trấn	Phước Vĩnh An	Fax	Không
Đạt chuẩn Quốc Gia	Mức độ 1	Website	thcsphuocvinhan.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1991	Số điểm trường	2
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 6	07	08	06	08	08
Khối lớp 7	07	07	08	06	07
Khối lớp 8	06	07	07	07	06
Khối lớp 9	06	06	07	07	07
Cộng	26	28	28	28	28

2. Số phòng học và các phòng chức năng khác

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục	36	38	38	38	38

	vụ học tập					
1	Phòng học	26	28	28	28	28
a	Phòng kiên cố	26	28	28	28	28
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	07	07	07	07	07
a	Phòng kiên cố	07	07	07	07	07
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	03
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm					
II	Khối phòng hành chính - quản trị	08	08	11	11	11
1	Phòng kiên cố	08	08	11	11	11
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức	16	16	16	16	16

	năng khác (nếu có)					
	Cộng	60	63	66	66	66

3. Cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 05 năm 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	0	0	01	
Giáo viên	48	29	0	0	48	0	
Nhân viên	10	04	0	0	10	0	
Cộng	61	36	0	0	58	2	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số Giáo viên	49	47	41	45	51
2	Tỷ lệ Giáo viên/lớp	1,9	1,67	1,46	1,60	1,82
3	Tỷ lệ Giáo viên/Học sinh	0,05	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số Giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

6	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0
---	---------------------------	---	---	---	---	---

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số Học sinh	1043	1114	1103	1112	1177
	- Nữ	522	554	558	572	603
	- Dân tộc	10	12	15	24	29
	- Khối lớp 6	303	314	248	304	356
	- Khối lớp 7	300	295	300	251	304
	- Khối lớp 8	227	286	281	295	243
	- Khối lớp 9	213	219	274	274	274
2	Tổng số tuyển mới	281	306	232	293	338
3	Học 2 buổi/ngày	1043	1114	1103	1112	1177
4	Bán trú					
5	Nội trú					
6	Bình quân số Học sinh/lớp học	40,1	39,8	39,4	39,7	42,0
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	977 93,7%	1065 95,6%	1092 99,0%	1047 94,2%	1121 95,2%
	- Nữ	500	537	563	548	580
	- Dân tộc	5	11	15	24	27
8	Tổng số Học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	30	19	21	23	31
9	Tổng số Học sinh giỏi quốc gia (nếu có)					
10	Tổng số Học sinh thuộc đối tượng chính sách	96	22	49	105	119
	- Nữ	49	10	23	60	56
	- Dân tộc				8	11
11	Tổng số Học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt					
	Các số liệu khác (nếu có)					

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Tỷ lệ Học sinh xếp loại giỏi	46,21%	34,32%	37,08%	30,94%	33.28%
Tỷ lệ Học sinh xếp loại khá	32,79%	35,76%	36,44%	37,32%	38.42%
Tỷ lệ Học sinh xếp loại yếu, kém	2,78%	5,57%	3,53%	5,76%	3%
Tỷ lệ Học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	95.30%	90.12%	92,66%	93,17%	97.43%
Tỷ lệ Học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	4.03%	9.88%	7,34%	6,83%	2.57%
Tỷ lệ Học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình					

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An được thành lập vào năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt nhất tại chiến trường miền Nam. Sau ngày đất nước được giải phóng, trường Trung học Tỉnh hạt Phước Vĩnh Ninh sáp nhập với trường Tiểu học Phước Vĩnh Ninh với tên mới là Trường Phổ thông cấp 1, 2 Phước Vĩnh An (cơ sở chính đặt tại Trường Tiểu học Phước Vĩnh An hiện nay). Đến năm 1991, trường được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Phước Vĩnh An với tên gọi chính thức là trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An cho đến ngày nay. Năm 2013, trường được Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi đã phê duyệt dự án xây dựng mới trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An với khuôn viên rộng 10.142,2 m².

Trong chiến lược phát triển nhà trường đã xác định: Về sứ mệnh: “Mang đến cho học sinh một chương trình giáo dục toàn diện nhằm chuẩn bị hành trang cho các em bước vào một thế giới luôn thay đổi, đồng thời phát triển khả năng học tập suốt đời để giúp các em sẵn sàng đảm nhận những trọng trách lớn lao và đáp ứng được nhu cầu nhân lực.”; Về tầm nhìn: “Trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao, đào tạo những người có lý tưởng sống cao đẹp, mạnh về trí lực, khỏe về thể chất, có kỹ năng sống văn minh, có tư duy độc lập, biết giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc.”; Về giá trị: “Từ tế: Luôn đoàn kết, chia sẻ, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.”; “Trách nhiệm: bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội”; “Hội nhập: Kỹ năng làm việc, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp Tiếng Anh”.

Nhà trường thực hiện tốt cuộc vận động “Hai không” và các cuộc vận động lớn của ngành, cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, phong trào thi đua xây dựng “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị các thiết bị, đồ

dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đa số giáo viên biết áp dụng và thực hiện bài giảng điện tử trong giảng dạy.

Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì nếu nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, thì nhà trường mới có thể xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xác định được kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục.

Cơ sở vật chất trường học được sửa chữa mới toàn bộ, khang trang, sạch đẹp, thuận lợi cho hoạt động dạy và học của nhà trường. Hiện nay, trường có 28 phòng học và có đủ các phòng bộ môn và khối phục vụ học tập, hành chính - quản trị, khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, thư viện, thiết bị dạy học như phòng bộ môn Toán, phòng bộ môn Văn, phòng bộ môn Khoa học xã hội, các phòng thực hành thí nghiệm Khoa học tự nhiên, Tin học, Lab, phòng truyền thống, phòng Công đoàn, phòng Đoàn Đội, phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, phòng thư viện, phòng y tế, phòng hội đồng... một nhà đa chức năng và một sân thể thao mini phục vụ cho việc dạy và học, vui chơi giải trí cho học sinh, giáo viên. Cảnh quan môi trường cũng đã được đầu tư đúng mức tạo nên môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. Việc bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học luôn là nội dung được quan tâm hàng đầu. Năm học 2024-2025, trường có 10 máy tính văn phòng, 45 máy tính để dạy thực hành đều kết nối Internet, tín hiệu phủ sóng toàn trường Wifi và kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Ngoài ra còn có 10 máy in, 22 tivi được bố trí các phòng học và phòng chức năng, 1 máy photo đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ công tác của nhà trường.

Đa số cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn một số cán bộ giáo viên có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, hiện là giáo viên cốt cán của Phòng Giáo dục. Qua kiểm tra đánh giá 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong đó 100% giáo viên đánh giá theo chuẩn xếp loại từ Khá trở lên. Trường có tổng số 28 đảng viên chiếm 45,90% tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, sự đồng thuận, chung tay góp sức của các tầng lớp nhân dân trong xã và nhiều lực lượng xã hội, đặc biệt là sự đổi mới trong công tác quản lý, dạy học trong những năm gần đây Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An có nhiều chuyển biến tích cực.

Thực hiện theo Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An đã tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá đơn vị theo quy định. Đây là bước quan trọng để nhà trường định hướng những vấn đề cần thiết trên con đường xây dựng trường tiên tiến, hiện đại.

2. Mục đích tự đánh giá:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo công khai với cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và hoàn thành vào ngày 30 tháng 8 năm 2024. Sau đó nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo tính đến thời điểm hiện tại. Hội đồng tự đánh

giá nhà trường có 16 thành viên, gồm Cán bộ quản lý, thư ký Hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, Bí thư Chi đoàn - Tổng phụ trách, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Trưởng ban Thanh tra nhân dân. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm để thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá. Nhóm thư kí có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua Hội đồng tự đánh giá được công bố để lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên công nhân viên nhà trường.

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình sau:

Thành lập Hội đồng tự đánh giá (ngày 01 tháng 7 năm 2024).

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá (ngày 01 tháng 7 năm 2024).

Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng (từ ngày 02 tháng 7 năm 2024 đến ngày 15 tháng 7 năm 2024).

Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (từ ngày 18 tháng 02 năm 2019 đến ngày 28 tháng 02 năm 2019).

Viết báo cáo tự đánh giá (từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 đến ngày 16 tháng 8 năm 2024).

Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường (ngày 19 tháng 8 năm 2024).

Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá (từ 20 tháng 8 đến 26 tháng 10 năm 2024).

Cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh của trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí.

Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất, mọi quyết định chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường có cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học, có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác. Có 07 tổ chuyên môn (Toán - Tin, Ngữ văn, Tiếng anh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Năng khiếu) và 01 tổ văn phòng đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy hoạt động giáo dục. Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp, tổ trưởng chuyên môn là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác, hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Cán bộ -Giáo viên - nhân viên nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do ngành, địa phương tổ chức. Nhà trường quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo đúng quy định. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho Học sinh và cho cán bộ, Giáo viên, nhân viên; Phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên

các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục, với các nguồn lực của nhà trường và căn cứ nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp và đặc biệt là nghị quyết của Đảng bộ xã Phước Vĩnh An về vấn đề giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo chương trình nông thôn mới và nội dung chiến lược giai đoạn 2020-2025 là xây dựng trường thành trường có chất lượng đạt chuẩn quốc gia và được kiểm định chất lượng giáo dục [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 được xây dựng từ tháng 12/2020 được sự phê duyệt của phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Củ Chi [H1-1.1-02].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được niêm yết công khai tại văn phòng, bảng công khai, trên trang Web của trường tại địa chỉ thcsphuocvinhan.hcm.edu.vn [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đã có những giải pháp về nâng cao chất lượng giáo dục, rà soát các chỉ tiêu cụ thể phù hợp với đặc điểm địa phương để tìm ra giải pháp thực hiện hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Hàng năm, hội đồng trường họp sơ kết rút ra những mặt làm được, chưa làm được để tham mưu với địa phương và các cấp đặc biệt là ban ngành cấp trên rà soát kiểm tra lại về nguồn nhân lực, tài chính, điều chỉnh chiến lược để có phương án phát triển thực thi cho những năm tiếp theo. Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và các tầng lớp nhân dân địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên quyết tâm thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và các tầng lớp nhân dân địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tiếp tục phân công cụ thể các bộ phận phụ trách thường xuyên cập nhật thông tin và văn bản chỉ đạo các cấp để điều chỉnh, bổ sung kịp thời những yêu cầu đổi mới phù hợp với từng giai đoạn lên trang Web trường từ đó tiếp tục tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia tích cực hơn trong việc đóng góp ý kiến về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Quyết định số 975/QĐ-GDĐT ngày 21 tháng 1 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi, Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi Hội đồng trường có nhiệm kỳ 5 năm [H1-1.2-01]. Vào đầu năm học, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng tư vấn chuyên môn [H1-1.2- 02].

b) Trong quyết định có nêu rõ trách nhiệm của từng Hội đồng theo đúng qui định của Điều lệ trường Trung học [H1-1.2- 02].

c) Định kỳ rà soát đánh giá công việc theo kế hoạch thông qua các cuộc họp từ đó đề ra các giải pháp hoạt động tiếp theo [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng hoạt động đúng theo quy định và có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. So với mục tiêu của nhà trường, Hội đồng trường còn một vài thành viên chưa mạnh dạn trong đề xuất xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các Hội đồng theo quy định. Các hội đồng có cơ cấu tổ chức và hoạt động hiệu quả.

Hàng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng nhằm kịp thời định hướng xây dựng nội dung thi đua góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tay nghề Giáo viên.

3. Điểm yếu

Hội đồng trường còn một vài thành viên chưa mạnh dạn trong đề xuất xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo phát huy tính chủ động của từng thành viên trong các buổi họp Hội đồng trường qua việc thay đổi hình thức triển khai một chiều bằng hoạt động báo cáo từ từng bộ phận cũng như góp ý cho dự thảo kế hoạch để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đồng thời, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An gồm các đoàn thể và tổ chức như sau: Công đoàn cơ sở có 3 thành viên (01 Chủ tịch, 01 Trưởng Ban Nữ công và 01 ủy viên); Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 15 đoàn viên (01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 01 Ủy viên); Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ chí Minh (01 Liên đội trưởng, 02 Liên đội phó, 10 ủy viên), Chi hội Khuyến học (Chi hội trưởng và 01 Chi hội phó) [H1-1.3-01].

b) Hoạt động của Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ, Chi hội Khuyến học trong nhà trường được thực hiện theo các quy định của cấp trên [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

c) Cuối mỗi học kỳ và năm học, các tổ chức, các đoàn thể trong nhà trường đều tổ chức họp để rà soát, đánh giá nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những yếu kém và được các cấp có thẩm quyền đánh giá hoạt động theo quy định [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Đảng của nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ có 28 đảng viên, trong đó Cấp ủy gồm 3 đảng viên (02 thành viên trong Ban giám hiệu giữ chức vụ Bí thư và Phó Bí thư) [H1-1.3-05]. Từ năm 2019-2023, Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

b) Công đoàn nhà trường đã phát động thực hiện tốt công tác thi đua và các cuộc vận động, phong trào do Liên đoàn Lao động huyện phát động; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh đã tổ chức thực hiện tốt các chương trình rèn luyện giáo dục lý tưởng cách mạng cho đoàn, đội viên; Chi đoàn, Đội tổ chức hoạt động Hội trại Xuân, Vui hội trăng rằm... Liên đội tích cực tham gia các phong trào và được Hội đồng Đội huyện Củ Chi công nhận Liên đội xuất sắc nhiều năm liền. Một số ít Công đoàn

viên, đoàn viên giáo viên, Đội viên chưa tích cực chủ động trong các hoạt động. Các câu lạc bộ của Liên đội hoạt động hiệu quả chưa cao.

[H1-1.3-04];[H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Từ năm 2019 - 2023, Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được đánh giá là Chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07].

b) Hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác hiến máu nhân đạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh thực hiện tốt chiến dịch Hoa phượng đỏ, Mùa hè xanh [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các tổ chức chính trị, đoàn thể tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp cho các hoạt động phong trào của nhà trường, cộng đồng.

3. Điểm yếu

Một số ít Công đoàn viên, đoàn viên giáo viên, Đội viên chưa tích cực chủ động trong các hoạt động. Các câu lạc bộ của Liên đội hoạt động hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025, Phó Hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể, đẩy mạnh việc tự quản và đảm bảo chất lượng trong các câu lạc bộ đội nhóm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

a) Có hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Trường có 28 lớp với cơ cấu số lượng ban giám hiệu như sau: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Nhà trường có 7 tổ chuyên môn (Tổ Ngữ văn: 01 tổ trưởng; Tổ Toán - Tin học: 01 tổ trưởng, Tổ Khoa học Tự nhiên: 01 tổ trưởng, Tổ Khoa học Xã hội: 01 tổ trưởng; Tổ Công nghệ: 01 tổ trưởng, Tổ Tiếng Anh: 01 tổ trưởng, Tổ Năng khiếu: 01 tổ trưởng) và 01 tổ Văn phòng hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03].

c) Hàng năm, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng căn cứ kế hoạch chung của nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của của tổ chuyên môn với nội dung đi sâu vào đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phương pháp dạy học và hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện các nhiệm vụ [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Mỗi năm, tổ chuyên môn của trường luôn có kế hoạch xây dựng, thực hiện chuyên đề chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05].

b) Tổ Văn phòng và các tổ chuyên môn đảm bảo chế độ làm việc, hội họp theo quy chế làm việc của đơn vị ít nhất 02 tuần/ lần [H1-1.4-04]. Trong các

buổi họp, tổ trưởng đảm bảo tạo điều kiện cho từng thành viên tự đánh giá hoạt động của cá nhân, có hình thức rà soát, nhận xét công việc của tổ với nhiệm vụ được phân công [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Số lượng các chuyên đề của tổ chuyên môn luôn tăng qua từng năm học. Tổ văn phòng hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ, nhưng chưa có các chuyên đề đóng góp cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-07].

b) Từ năm 2019 đến nay, hoạt động xây dựng chuyên đề được duy trì thường xuyên ở các tổ chuyên môn, so với mục tiêu đặt ra của nhà trường là tất cả các tổ đều có chuyên đề nâng cao chất lượng công tác hàng năm thì tổ Văn phòng chưa xây dựng được chuyên đề và số lượng chuyên đề của các tổ bộ môn cũng chưa nhiều, các chuyên đề xây dựng đều mang tính đổi mới, bám sát chỉ đạo, được thực hiện có bài bản và có quy mô, mang tính khả thi có thể áp dụng đại trà. Sau mỗi chuyên đề, đều thực hiện hoạt động rút kinh nghiệm và có kế hoạch ứng dụng vào thực tế những năm tiếp theo, vì vậy, các chuyên đề được thực hiện rất hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Các tổ bộ môn và tổ Văn phòng đều hoạt động rất đồng bộ theo sự chỉ đạo toàn diện của cán bộ quản lý nhà trường và trong quá trình hoạt động đều có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Số lượng chuyên đề hằng năm chưa nhiều. Tổ Văn phòng chưa xây dựng được chuyên đề cho hoạt động của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng thực hiện các hoạt động tổ, nhóm nhằm phát huy chất lượng toàn trường. Hiệu trưởng chỉ đạo, hỗ trợ tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch thực

hiện chuyên đề nhằm nhân rộng điển hình tích cực, đẩy mạnh nhu cầu đổi mới trong công tác của tổ Văn phòng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số Học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) Học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) Học sinh (nếu có). Số Học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Trường có đủ các lớp của cấp học từ lớp 6 đến lớp 9 trong năm học 2023 - 2024, trường có 28 lớp trong đó khối 6: 8 lớp; khối 7: 7 lớp; khối 8: 6 lớp; khối 9: 7 lớp [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, cơ cấu mỗi lớp đều có ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng phụ trách hoạt động chung, 01 lớp phó phụ trách học tập, 01 lớp phó phụ trách kỷ luật, lao động, phong trào do lớp bầu ra vào đầu năm học. Mỗi lớp chia làm 04 - 06 tổ và mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó phụ trách hoạt động của tổ, giáo viên chủ nhiệm mỗi lớp đều nắm thông tin và cập nhật đầy đủ ở sổ chủ nhiệm [H1-1.5-02].

- c) Lớp học được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, vào giữa tháng 8 giáo viên chủ nhiệm nhận lớp sẽ tổ chức cho học sinh bầu chọn

ban cán sự lớp, chia các tổ tự quản (4 ban) và mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, phó ban do các thành viên của tổ bầu ra nên việc bầu chọn Ban cán sự lớp, phụ trách các ban lớp ở một số lớp chưa thật tốt do học sinh còn lựa chọn theo cảm tính [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trường có không quá 45 lớp và sĩ số học sinh trong lớp theo quy định [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trong 5 năm qua số lớp không quá 45 lớp, trung bình mỗi lớp là 40 học sinh [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức lớp theo đúng quy định. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc dân chủ.

3. Điểm yếu

Việc bầu chọn hội đồng tự quản, phụ trách các ban lớp ở một số lớp chưa thật tốt do học sinh còn lựa chọn theo cảm tính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, giáo viên chủ nhiệm cần chú trọng hơn công tác tư vấn học sinh trong việc lựa chọn ban cán sự lớp. Tăng cường công tác bồi dưỡng cho những học sinh tham gia ban cán sự lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:*Mức 1:*

a) Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường đủ, đúng theo quy định tại Điều 21, Điều lệ trường trung học và quy định của mô hình trường học mới, nhà trường có đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, quản lý tài sản được lưu trữ và bảo quản khoa học, cẩn thận theo quy định của Luật Lưu trữ tại tủ hồ sơ mỗi bộ phận [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

b) Hàng năm, nhà trường có lập dự toán ngân sách Nhà nước và kiểm tra nội bộ được cấp trên phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất theo đúng chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, dân chủ, công khai được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích; phát huy tối đa công năng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được trang bị, phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Sử dụng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong hoạt động quản lý tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.6-09].

b) Từ năm 2019 đến năm 2024, nhà trường không có vi phạm liên quan về hoạt động quản lý tài chính, tài sản đơn vị [H1-1.6-05]; [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường chưa có các kế hoạch tài chính dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế phát triển của địa phương [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và hồ sơ được lưu trữ khoa học. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ nên được sự đồng thuận cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng cùng với Kế toán xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và cập nhật kịp thời Sổ tài sản khi có phát sinh, biến động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm Hiệu trưởng thông qua kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ trong các buổi họp toàn thể nhà trường và được ghi nhận trong sổ Nghị quyết của nhà trường nhưng nhà trường chưa có kế hoạch nâng chuẩn ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.1-03]; [H1-1.7-01].

b) Nhà trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý bằng bảng phân công nhiệm vụ theo đề án vị trí việc làm, việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường theo đúng năng lực, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác, bộ phận kế toán công khai niêm yết bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng trên bảng thông tin [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hàng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, thể mạnh và kinh nghiệm của từng cá nhân trong đó việc lựa chọn các nhân tố tích cực để phân bổ, hỗ trợ các hoạt động quản lý tổ, nhóm và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên học tập nâng chuẩn, phát triển năng lực thông qua việc tham gia học tập, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01];

2. Điểm mạnh

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên được xây dựng và thực hiện xuyên suốt trong từng năm học dựa vào tình hình thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa có kế hoạch nâng chuẩn ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo đề án vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và sắp xếp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập và bồi dưỡng nâng chuẩn ngoại ngữ, tin học theo đề án vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong những năm qua, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch dạy học 2 buổi ngày và các kế hoạch khác đúng theo quy định của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Trên cơ sở kế hoạch năm học được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, kế hoạch giáo dục STEM và trải nghiệm sáng tạo, kế hoạch hoạt động từng tổ, kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 và dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 được triển khai đồng bộ và hiệu quả [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

c) Cuối mỗi học kỳ nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá để cải tiến công tác quản lý các hoạt động giáo dục trên lớp, hoạt động giáo dục nghề phổ thông - hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục khác [H1-1.1-05]; [H1-1.8-04].

Mức 2:

Hàng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.6-05].

Đầu các năm học, Hiệu trưởng triển khai, phổ biến quy định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh tại các buổi họp hội đồng sư phạm, phụ huynh học sinh, Hiệu trưởng yêu cầu giáo viên thực hiện đầy đủ hồ sơ về hoạt động dạy thêm và học thêm theo đúng quy định; giáo viên thực hiện đơn đăng ký dạy thêm ngoài nhà trường, danh sách học sinh học thêm tuy nhiên việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được cập nhật thường xuyên [H1-1.1-03]; [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, đề ra các giải pháp cụ thể, đồng bộ phù hợp với mục tiêu phát triển của nhà trường.

Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục đảm bảo thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024 -2025, Hiệu trưởng tiếp tục triển khai theo đúng tinh thần các văn bản quy định dạy thêm, học thêm có các biện pháp nhắc nhở, không để giáo viên vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm để đảm bảo các thành viên nhà trường thực hiện đúng các qui định về dạy thêm, học thêm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học nhà trường đều tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy cơ quan, thang điểm thi đua, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ và các văn bản liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các cuộc họp tổ Công đoàn, tổ chuyên môn và Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, các ý kiến tập trung thảo luận về quy chế chi tiêu nội bộ, về chế độ chính sách [H1-1.9-01].

b) Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cha mẹ học sinh hằng năm đều được giải quyết. Từ năm 2019 đến năm 2024, nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh. Nhà trường xử lý kịp thời các phản ánh của phụ huynh nhưng chưa cập nhật đầy đủ vào hồ sơ tiếp công dân [H1-1.9-02].

c) Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, Ban Thanh tra nhân dân, Ban kiểm tra nội bộ nhà trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02].

Mức 2:

Để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp cùng các bộ phận xử lý kịp thời các trường hợp phản ánh từ phụ huynh. Nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, công nhân viên hay phụ huynh và địa phương.

Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân trong hoạt động giám sát thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

Nhà trường xử lý kịp thời các phản ánh của phụ huynh nhưng chưa cập nhật đầy đủ vào hồ sơ tiếp công dân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng hướng dẫn cụ thể về việc phát huy dân chủ cơ sở, động viên đội ngũ phát huy quyền dân chủ trong đơn vị, tạo cơ hội để giáo viên đóng góp xây dựng các quy định; Quy chế có liên quan. Hiệu trưởng chỉ đạo cập nhật nội dung phản ánh của phụ huynh học sinh đầy đủ vào sổ tiếp công dân.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho Học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và Học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và Học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch, quy định và lên phương án cụ thể về việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh, có các phương án phòng cháy chữa cháy và tổ chức diễn tập cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh hàng năm [H1-1.10-01].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại của cán bộ quản lý cho mọi đối tượng tham gia hoạt động giáo dục của nhà trường, có lịch tiếp công dân hằng tuần để xử lý các thông tin phản ánh của người dân, tổ chức tọa đàm với học sinh hàng năm để lắng nghe ý kiến trẻ em; Có phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-02].

c) Từ năm học 2019 -2020 đến nay, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường và hàng năm Hiệu trưởng chỉ đạo cho cán bộ pháp chế, giáo viên bộ môn Giáo dục

công dân, Tổng phụ trách đội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về bạo lực học đường và bình đẳng giới trong đội ngũ và học sinh [H1-1.10-02].

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp với các bộ phận liên quan phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên y tế thường xuyên kiểm tra nguồn nước, nguồn nhập thức ăn căn tin, xây dựng phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng và giám thị thường xuyên kiểm tra các hành lang, góc khuất, nhà vệ sinh vào giờ ra chơi, cũng như trang bị hệ thống camera (14 camera) theo dõi từng khu vực và hộp thư điều em muốn nói để kịp thời thu thập thông tin, ngăn chặn các hành vi liên quan đến bạo lực học đường. Nhà trường đã xây dựng phương án, kế hoạch an ninh, an toàn và được Công an huyện Củ Chi công nhận đạt an ninh, an toàn trường học. Số lượng camera ít nên chưa quan sát hết các dãy phòng chức năng, cầu thang. [H1-1.5-03]; [H1-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong trường học được nhà trường thực hiện tốt. Nhà trường đã có những phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; Phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, các tệ nạn xã hội trong trường.

3. Điểm yếu

Số lượng camera ít nên chưa quan sát hết các dãy phòng chức năng, cầu thang.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng vận động kinh phí từ các mạnh thường quân để trang bị thêm camera quan sát.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật: Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng và thực hiện xuyên suốt trong từng năm học dựa vào tình hình thực tế của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản: Chưa có kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An có đủ số lượng Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng đều có trình độ đại học và trên đại học, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực và tận tụy trong công tác, quản lý chặt chẽ các hoạt động toàn diện của nhà trường, tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng, bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục. Giáo viên trong nhà trường đáp ứng yêu cầu giảng dạy, đã qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên ngành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tinh thần đoàn kết nội bộ trong và ngoài nhà trường được củng cố, phát triển không ngừng. Học sinh của nhà trường đảm bảo độ tuổi khi đến trường theo quy định, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của học sinh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:*Mức 1:*

a) Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng do Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định bổ nhiệm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo qui định của Điều lệ trường trung học: Trình độ đào tạo, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có năng lực quản lý, đủ sức khoẻ theo yêu cầu, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

b) Hàng năm đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều đạt loại khá trở lên [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm đều tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức Tốt trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý có chứng nhận được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định, hàng năm, nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về

công tác quản lý giáo dục của nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn đạt tỷ lệ tín nhiệm cao nhưng khi so với mục tiêu đặt ra của nhà trường thì năng lực sử dụng Tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên người nước ngoài đôi lúc gặp khó khăn [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và lãnh đạo đánh giá ở mức tốt trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ công tác quản lý; Có khả năng vận dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhà trường.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng Tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên người nước ngoài đôi lúc gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng sắp xếp thời gian tham gia học tập, bồi dưỡng năng lực sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp và đạt trình độ ngoại ngữ theo đề án vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho Học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H2-2.2-01].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học [H2-2.2-01]; [H1-1.7-03].

c) Đội ngũ giáo viên nhà trường đa số có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động giáo dục nên đến cuối năm học 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề

nghiệp ở mức Đạt trở lên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Từ năm học 2019 -2020 đến năm học 2023 -2024, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023 - 2024, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên nhưng khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục còn yếu [H2-2.2-02].

c) Nhà trường có đội ngũ giáo viên năng động, tích cực, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học nhưng nhà trường chưa có giáo viên tham gia và đạt giải nghiên cứu khoa học và không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.4-04].

Mức 3:

a) Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, nhà trường đảm bảo có 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên, và có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm nhà trường chưa có giáo viên tham gia và đạt giải nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên năng động, tích cực, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học

3. Điểm yếu

Giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học nhưng chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tích cực chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Thực hiện Thông tư liên tịch số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập nhà trường bố trí như sau: 01 nhân viên văn thư (giáo viên bộ môn phụ trách), 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên học vụ (giáo viên bộ môn phụ trách), 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên phục vụ và 02 nhân viên bảo vệ, [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Đội ngũ nhân viên nhà trường được phân công thực hiện nhiệm vụ đúng chuyên môn, năng lực của từng cá nhân [H2-2.2-01].

c) Tất cả nhân viên nhà trường đều có ý thức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, 100% nhân viên đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có 01 kế toán, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên công nghệ thông tin, đã đầy đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu hoạt động [H2-2.3-01]. [H2-2.3-02].

b) Từ năm 2019 đến nay, nhà trường không có trường hợp nhân viên vi phạm nội quy đơn vị hay bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán trình độ đại học, nhân viên y tế trình độ cử nhân điều dưỡng, bảo vệ, phục vụ tốt nghiệp Trung học cơ sở [H2-2.3-02].

b) Hàng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, trong đó nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn phòng cháy chữa cháy định kỳ [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Điểm yếu

Viên chức phụ trách học vụ chưa qua đào tạo đúng chuyên ngành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện tăng cường viên chức đào tạo đúng chuyên ngành hoặc cử người tham gia các khóa đào tạo do ngành tổ chức trong năm học tới.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với Học sinh

Mức 1

a) Đảm bảo về tuổi Học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch phân tuyến của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, học sinh đầu cấp hàng năm đều có độ tuổi từ 11 đến 12 tuổi, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 02 lần trong một cấp học [H2-2.4-01].

b) Đầu mỗi năm học, nhà trường triển khai đến học sinh những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và các hành vi học sinh không được làm (Điều 33 và Điều 34, 35, 36, 37 trong Điều lệ trường trung học) trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm và được ghi vào vở môn Giáo dục công dân. Mỗi học sinh được cập nhật mới nội quy học sinh nhằm giáo dục trách nhiệm cá nhân trong sinh hoạt bên cạnh đó vẫn còn số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường do nhiều nguyên nhân khác nhau [H2-2.4-02].

c) Bên cạnh đó, thông qua các tiết sinh hoạt chủ nhiệm đầu năm và sinh hoạt dưới cờ, Hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm phổ biến đến các lớp quyền của học sinh (Điều 35 và Điều 37, Điều lệ trường trung học); Nhà trường đạt những quy chuẩn về cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu học sinh học tập ở lớp, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, ngoại khóa, văn thể mỹ của nhà trường theo quy định, các em được tham gia các hoạt động phát triển năng khiếu về thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức; Được giáo dục kỹ năng sống; Học sinh giỏi và học sinh khó khăn, hiếu học được nhận học bổng do chi hội khuyến học nhà trường cấp và các mạnh thường quân tài

trợ, học sinh thuộc diện chính sách được hưởng chế độ miễn giảm theo quy định [H2-2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong các hoạt động giáo dục học sinh, khi học sinh vi phạm các hành vi không được làm sẽ được thông báo cụ thể đến phụ huynh để có hướng hỗ trợ học sinh khắc phục, áp dụng các biện pháp kỷ luật tích cực và hình thức giáo dục phù hợp để các em có chuyển biến tích cực [H2-2.4-04].

Mức 3:

Học sinh đạt giải trong các hội thi như: Học sinh giỏi cấp huyện, hội thi khéo tay kỹ thuật, thi đấu thể dục thể thao..... nhà trường khen thưởng vào tiết sinh hoạt dưới cờ nhằm tạo ảnh hưởng tích cực [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Học sinh tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức.

Học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm vận động các mạnh thường quân trao học bổng, tiếp sức đến trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn số ít học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường do nhiều nguyên nhân khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động giáo dục tăng cường tuyên truyền giáo dục học sinh bằng nhiều hình thức: lồng ghép trong tiết dạy môn Ngữ văn, Giáo dục công dân, Sinh hoạt chủ nhiệm, Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt Đội, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, bản tin tuyên truyền, Chương trình phát thanh học đường, xây dựng – biểu diễn tiểu phẩm, diễn đàn, đồ vui...

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật: Nhà trường đảm bảo tốt cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định Điều lệ trường trung học; nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định về độ tuổi học sinh trung học cơ sở, giáo dục toàn diện cho học sinh và đảm bảo các quyền của Học sinh.

Điểm yếu cơ bản: Năng lực sử dụng Tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế nên việc quản lý, giao tiếp với giáo viên người nước ngoài đôi lúc gặp khó khăn. Nhà trường chưa có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Quận.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Được sự quan tâm và giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, trường được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới theo Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi với cơ sở khang trang, sạch đẹp, các trang thiết bị đồng bộ, hiện đại. Bên cạnh đó, cùng với sự cố gắng tự thân, nhà trường huy động mọi nguồn lực xã hội cùng chăm lo bảo quản, duy tu, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /Học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /Học sinh; đối với trường

trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có diện tích 10.142,2m², có diện tích bình quân là 10,1422 m²/học sinh [H3-3.1-01]. Khuôn viên sạch đẹp, thoáng mát, đảm bảo đủ bóng mát cho học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02].

b) Trường có cổng, biển tên, tường rào bao quanh theo quy định [H3-3.1-01].

c) Có nhà tập thể dục thể thao đa năng được trang bị đầy đủ thiết bị hệ thống đèn chiếu sáng, đường chạy, hố nhảy xa, sân cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, sân bóng đá... [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập rộng, sân bóng đá mi ni, hố nhảy, sân cầu lông, sân bóng rổ đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Trường mới xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2013 và sửa chữa vào năm 2024 có diện tích 10.142,2 m²/học sinh đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định và khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường. Khu tập thể thao ngoài trời còn nắng chưa có mái che, ảnh hưởng việc tập luyện thể thao của học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên riêng biệt; sân chơi có mảng xanh, vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo đúng quy định. Hệ thống sân chơi trước, sau được lát gạch sạch sẽ, bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh trong khi chơi. Diện tích đáp ứng đúng quy định bình quân ít nhất 10m²/học sinh.

3. Điểm yếu

Khu tập thể thao ngoài trời còn nắng chưa có mái che, ảnh hưởng việc tập luyện thể thao của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tham mưu cấp trên đồng thời phối hợp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh xã hội hóa, hỗ trợ kinh phí theo lộ trình từng năm làm mái che khu tập thể thao ngoài trời.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc Học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho Học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho Học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có)

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường được xây mới đưa vào sử dụng năm 2013 và sửa chữa năm 2024 nên số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập, đảm bảo việc học hai ca trong một ngày và kích thước, vật liệu, kết

cầu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh cơ bản đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.2-01].

b) Trường có 11 bộ môn và phòng học: Khoa học tự nhiên 1,2, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội, Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Toán -Tin, Ngoại ngữ 1,2, Stem, thiết bị, đa chức năng và tất cả đều đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

c) Trường có 01 phòng hoạt động Đoàn - Đội, 01 thư viện và 01 phòng truyền thống khang trang, sạch đẹp đảm bảo hoạt động đúng quy định [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định và được trang bị đầy đủ các thiết bị nghe, nhìn, đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, bàn ghế đúng quy cách; Phòng học có 02 lối ra vào đảm bảo an toàn cho học sinh, đáp ứng đủ điều kiện cho hoạt động học tập của học sinh hòa nhập khuyết tật [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học như bảng tương tác, máy chiếu, hệ thống âm thanh; Trường có học sinh hòa nhập, khuyết tật ở dạng tật khiếm khuyết cơ thể, trí não nhưng chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh hòa nhập, khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh:

Trường có các phòng học được xây dựng đúng quy cách. Trang thiết bị giảng dạy đầy đủ, đúng quy định.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh hòa nhập, khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp kinh phí sửa chữa, cải tạo để có phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh hòa nhập, khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và Học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Khối hành chính - quản trị có 13 phòng gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính, 01 phòng giám thị, 01 phòng giáo viên, 01 phòng hội đồng, 01 phòng kế toán tài vụ, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng tư vấn tâm lý, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế đáp ứng hoạt động của trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường có 01 nhà xe giáo viên và 01 nhà xe học sinh đều có mái che, rộng rãi thoáng mát đảm bảo đúng yêu cầu [H3-3.1-01].

c) Các thiết bị khối hành chính - quản trị được kiểm tra sửa chữa, bổ sung định kỳ [H3-3.3-01].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; 02 phòng nghỉ giáo viên đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Một vài trang thiết bị cần thay thế nhưng chưa đến hạn để được thanh lý và thay mới [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ khối phòng phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh. Các khối phòng học được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo vệ sinh, an toàn.

3. Điểm yếu

Một vài trang thiết bị cần thay thế nhưng chưa đến hạn để được thanh lý và thay mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa, bổ sung, cải tiến chất lượng trang thiết bị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, Học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho Học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và Học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có 03 khu nhà vệ sinh cho giáo viên riêng biệt nam nữ và 06 khu nhà vệ sinh cho học sinh riêng biệt nam nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện; Nhà trường hợp đồng với 03 nhân viên phục vụ đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, không bị ô nhiễm; Khu vệ sinh được thiết kế gần phòng học, các bồn tiểu, bồn cầu phù hợp với học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường có hệ thống thoát nước nội bộ đấu nối với hệ thống thoát nước bên ngoài đạt yêu cầu, nguồn nước dùng để sinh hoạt là nước sạch do Công ty nước Sài Gòn- cấp nước Củ Chi cung cấp [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

c) Nhà trường hợp đồng thu gom rác hàng ngày với Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường xanh Đinh Vàng nên không để tồn ứ rác qua nhiều ngày trong nhà trường, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Khu nhà vệ sinh được xây dựng riêng cho nam và nữ, được bố trí hợp lý, xây dựng bằng xi măng có ốp gạch men vững chắc, sạch sẽ, hợp vệ sinh, thoáng, có đủ ánh sáng, có hệ thống tẩy rửa bán tự động giúp làm sạch sẽ khu nhà vệ sinh cho học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.4-03].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế

Quy định về công tác y tế trường học; Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại Chương 2 Điều 4 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học; Nguồn nước dùng để sinh hoạt là nước sạch do Công ty cổ phần hạ tầng nước Sài Gòn cung cấp và nguồn nước uống là nước tinh khiết đóng chai hiệu Lavil; học sinh chưa thực hiện đúng việc phân loại rác và mật độ bố trí các thùng rác trong khuôn viên nhà trường chưa đúng quy định. Học sinh chưa thực hiện đúng việc phân loại rác và mật độ bố trí các thùng rác trong khuôn viên nhà trường chưa cao [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo tiêu chuẩn “xanh, sạch đẹp, an toàn” và bố trí các thùng rác đảm bảo việc phân loại rác, nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, môi trường thân thiện với học sinh.

3. Điểm yếu

Học sinh chưa thực hiện đúng việc phân loại rác và mật độ bố trí các thùng rác trong khuôn viên nhà trường chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tăng cường tuyên truyền, giáo dục học sinh phân loại rác và trang bị thêm thùng rác.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Khối phòng học và phòng thiết bị được trang bị đầy đủ số thiết bị dạy học cho từng bộ môn, các thiết bị dạy học được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng thiết bị và các phòng học bộ môn, một số thiết bị dạy học đã lạc hậu, cần được trang bị mới [H3-3.5-01].

b) Thiết bị dạy học được cấp đầy đủ theo danh mục tối thiểu, đảm bảo khá tốt cho việc phục vụ hoạt động dạy và học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo cụ thể như: Thiết bị dạy học theo dự án gồm tất cả các môn theo quy định của bộ từ lớp 6 đến lớp 9 đảm bảo phục vụ dạy học [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

c) Hàng năm, nhà trường có kế hoạch kiểm kê trang thiết bị, hợp đồng sửa chữa, nâng cấp, bổ sung thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường có 10 máy tính văn phòng, 10 máy in, 45 máy tính để dạy, 01 máy photo, 22 ti vi được bố trí các phòng học và phòng chức năng đáp ứng tốt các hoạt động dạy học và quản lý của nhà trường, các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học, đều được kết nối internet [H3-3.2-01].

b) Thiết bị thực hành thí nghiệm và thiết bị dạy học đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

c) Hàng năm, nhà trường kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới toàn diện

[H3-3.5-03]; [H3-3.2-01]. Hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội thi làm đồ dùng dạy học cấp trường, triển lãm, trưng bày và tuyển chọn tham gia Hội thi cấp huyện, đồ dùng dạy học tự làm chưa cao, sản phẩm chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa xây dựng được học liệu điện tử cho môn học [H3-3.5-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.5-01]. Giáo viên đăng ký sử dụng thiết bị dạy học trước 1 tuần, cán bộ phụ trách thiết bị chuẩn bị trước đến khi lên lớp giáo viên đến lấy và sử dụng có ký nhận ký trả rõ ràng, cụ thể, chính xác [H3-3.5-01]. Giáo viên tích cực làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-03]. Tuy nhiên do sĩ số học sinh mỗi lớp quá đông nên không đạt mức quy định 2 học sinh/ một bộ dụng cụ thí nghiệm thực hành [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị thực hành thí nghiệm, thiết bị dạy học hiện đại, hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị dạy học đã lỗi thời, cần được trang bị mới. Do sĩ số học sinh mỗi lớp quá đông nên không đạt mức quy định 2 học sinh/ một bộ dụng cụ thí nghiệm thực hành

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Tổ trưởng chuyên môn và giáo viên chủ động làm đồ dùng dạy học đáp ứng với từng chủ đề bài học cũng như xây dựng học liệu điện tử cho từng chủ đề, từng môn học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và Học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có thư viện với diện tích là 112 m², đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm, thư viện đều được trang bị và bổ sung thêm nhiều loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng được nhu cầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến nghiên cứu, mượn sách và giải trí cả ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu; Các danh mục, đầu và bản sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được thống kê đầy đủ và sắp xếp khoa học; Có đầy đủ các loại sổ sách theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí được lưu trữ tại hồ sơ thư viện. Hàng năm, nhân viên thư viện phối hợp cùng các tổ chuyên môn triển khai tổ chức nhiều chuyên đề, hội thi, triển lãm nhằm giúp giáo viên và học sinh tiếp cận nhiều hơn với sách [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Cuối và đầu mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành kiểm kê, rà soát, kiểm tra công tác thư viện từ đó xây dựng kế hoạch và có đề xuất bổ sung sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến (theo quy định tại thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở mầm non và trường phổ thông) [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-05].

Thư viện có máy tính được kết nối internet tạo điều kiện thuận tiện cho giáo viên và học sinh nghiên cứu tài liệu, tham khảo thông tin trên mạng, phục vụ cho hoạt động dạy và học nhưng số lượng máy tính còn ít và cấu hình cũ [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học tiên tiến. (theo quy định tại thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở mầm non và trường phổ thông).

3. Điểm yếu

Số lượng máy tính tại thư viện còn ít chưa đáp ứng nhiều nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024-2025, Hiệu trưởng nhà trường sẽ đề xuất kinh phí bổ sung máy tính có kết nối internet cho thư viện trường để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến

Điểm yếu cơ bản: Phong trào tự làm đồ dùng dạy học chưa cao, sản phẩm chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa xây dựng được học liệu điện tử cho môn học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Nhà trường được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của Cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của ban ngành đoàn thể đặc biệt là sự tin yêu, giúp đỡ của nhân dân, của phụ huynh học sinh. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động Học sinh đến trường, vận động Học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

a) Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập, có tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là trưởng ban hoặc phó trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, số lượng các phó trưởng ban và các thành viên thường trực của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường do cuộc họp các trưởng ban và phó trưởng ban của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp quyết định, Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp được thành lập trong buổi họp phụ huynh đầu năm, nhiệm kỳ của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là một năm học; Ban đại diện cha mẹ học sinh hết nhiệm kỳ khi bắt đầu năm học tiếp sau, riêng Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp cuối cấp học hết nhiệm kỳ khi kết thúc năm học [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm, trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Hiệu trưởng để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chi sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ [H4-4.1-02];[H4-4.1-03].

c) Các kế hoạch xây dựng của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được tổ chức thực hiện đúng tiến độ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tập hợp ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp để thống nhất với Hiệu trưởng các biện pháp giải quyết. Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học

sinh. Phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh tại các buổi họp phụ huynh học sinh định kỳ, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường luôn phối hợp tốt với Chi hội khuyến học xác minh các hoàn cảnh học sinh khó khăn, tổ chức vận động học sinh bỏ học tiếp tục đi học [H4-4.1-02].

Hỗ trợ nhà trường giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục của nhà trường [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh chủ động phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội, tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, các buổi họp Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa đảm bảo 100% dự họp do điều kiện công tác của một vài thành viên [H4- 4.1-01]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn được sự hỗ trợ nhiệt tình về mọi mặt của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với các nguồn lực trong và ngoài nhà trường xây dựng kế hoạch đổi mới hàng năm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục.

3. Điểm yếu

Thời gian cho việc hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh tại các buổi họp phụ huynh học sinh định kỳ chưa nhiều và đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, Hiệu trưởng cùng trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh tóm tắt, thiết kế trình chiếu các văn bản pháp luật, chủ trương

chính sách về giáo dục trong các buổi họp phụ huynh học sinh định kỳ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc bảo vệ, giáo dục học sinh. Đồng thời, tiếp tục phát huy vai trò Ban đại diện cha mẹ học sinh trong mọi hoạt động nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho Học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường luôn căn cứ vào Nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ và chính quyền xã Phước Vĩnh An để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình

thực tế nhà trường, đồng thời tranh thủ sự lãnh chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để đề ra kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển nhà trường [H1-1.8-01]; [H4-4.2-01].

b) Qua các buổi họp với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, giao ban Bí thư chi bộ,... Hiệu trưởng tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.1-02];[H4-4.1-03].

c) Nhà trường có huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định, tuy nhiên chưa huy động được nhiều nguồn lực lớn để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường [H4-4.1-03].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn căn cứ vào Nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ và chính quyền xã Phước Vĩnh An để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, đồng thời tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-01].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận đoàn thể, giáo viên thực hiện giáo dục truyền thống nhà trường, truyền thống dân tộc, giáo dục văn hóa, đạo đức, pháp luật... thông qua lồng ghép tích hợp trong các môn học, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp và tham quan ngoại khóa tìm hiểu các khu di tích lịch sử, cách mạng như: Địa đạo Củ Chi; Đền Gia Định; Nhà Truyền thống huyện... Hàng năm, việc chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương để giáo dục học sinh thông qua việc cán bộ quản lý nhà trường và giáo viên, học sinh tham gia các buổi viếng Đài tưởng niệm liệt sĩ xã Phước Vĩnh An; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Mức 3:

Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu “đơn vị văn hóa”, đảm bảo môi trường học xanh - sạch - đẹp. Hàng năm nhà trường hỗ trợ Ủy ban xã Phước

Vĩnh An, Đoàn xã Phước Vĩnh An tổ chức hoạt động hè cho thiếu nhi, thanh thiếu niên của xã với các hội thi, vui chơi trong hè. [H4-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực lớn để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tham mưu Phòng Tài chính – Kế hoạch và đẩy mạnh xã hội hóa tạo nguồn lực lớn để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật: Xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh, tạo điều kiện cho sự phát triển của nhà trường. Sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo được cơ sở vật chất khang trang đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Điểm yếu cơ bản: Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực lớn để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu: Hoạt động giáo dục, kết quả giáo dục chính là thước đo kết quả nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Nhiều năm qua, nhà trường đã không ngừng phấn đấu, đổi mới giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy học, phát huy tính chủ động của học sinh trong học tập, rèn luyện. Chất lượng giáo dục của nhà trường phát triển qua từng năm học: tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh khá ổn định; mỗi năm đều

có học sinh giỏi cấp huyện và thành phố, tham gia và đạt nhiều giải thưởng qua các hội thi.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng Học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá Học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của Học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng Học sinh có năng khiếu, phụ đạo Học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, Học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Tổ chuyên môn, giáo viên khi xây dựng kế hoạch chuyên môn và kế hoạch giảng dạy phải vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật dạy học vào từng chủ đề và hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. Hướng dẫn học sinh, giáo viên hoạt động chuyên môn thông qua trang cơ sở dữ liệu, các hoạt động của nhà trường trên trang cơ sở dữ liệu vẫn chưa đạt hiệu quả cao [H1-1.4-07]; [H5-5.1-01].

c) Nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng tự học và vận dụng sáng tạo của học sinh, cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá, xây dựng đề kiểm tra theo dạng chuẩn PISA có ma trận đảm bảo 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao và tổ chức nhiều hình thức kiểm tra đánh giá, tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, các tổ bộ môn có nhận định đề kiểm tra và bài làm học sinh, thống nhất trong tổ nhóm chuyên môn, báo cáo từng bộ môn về hoạt động cũng như thống kê báo cáo chất lượng cho Phòng Giáo dục mỗi học kì [H1-1.4-06]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

Mức 2:

a) Hàng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo từng giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân theo hướng dẫn thực hiện chương trình chú trọng đến từng đối tượng học sinh, qua các kỳ kiểm tra, đánh giá và quá trình học tập của học sinh, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo học sinh yếu theo từng môn [H1-1.8-02]; [H5-5.1-05].

b) Nhà trường lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra chọn học sinh giỏi các môn để lựa chọn các em có năng khiếu tham gia các kì thi học sinh giỏi cấp Huyện và Thành phố. Trong quá trình dạy học và các kỳ kiểm tra giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện phụ đạo cho các em học sinh [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07].

Mức 3:

Từng học kỳ, cuối năm học tổ chuyên môn, Hội đồng trường đều thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục dựa trên chất lượng giảng dạy từng bộ môn so với chất lượng toàn trường và toàn huyện, các hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy cũng là tiêu chí thi đua trong đơn vị [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

3. Điểm mạnh

Kế hoạch dạy học xây dựng khoa học, điều chỉnh thay đổi linh hoạt để đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn góp phần kéo giảm học sinh yếu kém. Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu ngày càng đạt kết quả cao.

4. Điểm yếu

Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học chưa được nhiều và xây dựng kho học liệu số đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn quán triệt quan điểm “Hoạt động dạy - học làm trung tâm”, khai thác kênh học liệu số đạt hiệu quả hơn và đưa hoạt động này vào tiêu chí thi đua của giáo viên và tổ chức hoạt động các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học cho học sinh tham gia nhiều hơn, số lượng đề tài phong phú hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh có năng khiếu, Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh có năng khiếu, Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh có năng khiếu, Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh có năng khiếu, Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Học sinh có năng khiếu, Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có Học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém [H5-5.1-05]; [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07].

b) Sau khi xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém, kế hoạch học sinh hoà nhập, nhà trường tổ chức giảng dạy theo đúng kế hoạch có điểm danh học sinh và báo cho cha mẹ học sinh nếu học sinh vắng [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.1-07].

c) Hàng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để từ đó hỗ trợ, khen thưởng học sinh [H2-2.4-03].

Mức 2:

Kết quả tổng kết năm học, qua sổ theo dõi học sinh hòa nhập khuyết tật của nhà trường, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.4-07]; [H2-2.4-04].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh đạt giải cấp huyện, cấp thành phố các môn học: Địa lí, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, văn hay chữ tốt, kể chuyện sách... và phong

trào Thể dục thể thao chỉ đạt huy chương môn điền kinh và võ thuật tuy nhiên việc phát hiện học sinh năng khiếu để bồi dưỡng chưa đều khắp ở tất cả các môn, các hoạt động tại nhà trường. [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường kịp thời phát hiện, bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật và đạt thành tích cao.

3. Điểm yếu

Việc phát hiện học sinh năng khiếu để bồi dưỡng chưa đều khắp ở tất cả môn, các hoạt động tại nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng bộ môn và Tổng phụ trách, giáo viên phụ trách văn thể mỹ tổ chức nhiều hơn các câu lạc bộ để học sinh tiếp cận và phát triển nhiều hơn các loại hình năng khiếu, nâng cao tỉ lệ học sinh giỏi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

a) Nội dung giáo dục địa phương cho Học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá Học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong kế hoạch nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn đều có nội dung giáo dục địa phương cho học sinh và được thực hiện đúng theo kế hoạch (truyền thống quê hương Đất thép -Thành đồng, xã anh hùng [H1-1.7-02]; [H5-5.1-01]; [H5-5.3-01].

b) Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định, đảm bảo khách quan và hiệu quả. Đề kiểm tra học kỳ đều có câu hỏi về lịch sử địa phương, được đưa vào giảng dạy môn Lịch sử, Giáo dục công dân [H5.5.3.02]. Thời gian đánh giá thường diễn ra vào cuối học kỳ, cuối năm, tổng kết hè [H5-5.3-01].

c) Hàng năm có rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương nhưng tài liệu chưa phong phú [H5-5.3-03].

Mức 2:

Thông qua các môn học, hoạt động có lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào các môn học như: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, sinh hoạt Đội, Sinh hoạt chủ nhiệm, Trải nghiệm hướng nghiệp, Tư vấn tâm lý, Hướng nghiệp, tuyển sinh.... Tài liệu chủ yếu là gương người thật, việc thật: các Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trên địa bàn xã, huyện, thành phố; văn thơ về truyền thống yêu nước, anh hùng của xã, huyện, thành phố) phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H5-5.3-01]. Giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc như: Tham quan tìm hiểu di tích lịch sử Đền Gia Định, Đền liệt sĩ, viếng bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ [H4-4.2-02].

Đăng ký và tổ chức thực hiện chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng, Mẹ liệt sĩ già yếu neo đơn, thương bệnh binh và các địa chỉ đỏ khác [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn, được thực hiện theo kế hoạch. Nội dung giáo dục địa phương thực tiễn và phù hợp với các đối tượng học sinh tại nhà trường.

3. Điểm yếu

Tư liệu giảng dạy về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn tiếp tục thực hiện xây dựng kế hoạch cá nhân lồng ghép hoạt động giáo dục địa phương có cập nhật các biến đổi địa phương, tiếp tục thay đổi phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh và đánh giá học sinh theo năng lực. Tiếp tục xây dựng nhiều chuyên đề gắn với thực tiễn cuộc sống cho học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp Học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

- b) Nhà trường phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông cho học sinh, ngoài ra, các em học sinh lớp 9 hàng năm đều được nhà trường tổ chức tham quan hướng nghiệp và tư vấn

nghề nghiệp ở học kỳ II, học sinh tất cả các khối đảm bảo được tổ chức trải nghiệm học tập thực tế 1 lần/ 1 năm học [H5-5.4-01].

c) Định kỳ, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh và đều có sự hỗ trợ tích cực từ các nguồn lực giáo viên, nhân viên, tất cả các bộ phận khi được huy động đều tham gia đầy đủ và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Kế hoạch hoạt động trải nghiệm hàng năm được xây dựng phù hợp với từng khối lớp, bộ môn, tổ chức cho học sinh tham quan thực tế, tổ chức diễn đàn, thực hiện dự án và nghiên cứu khoa học, hoạt động hướng nghiệp được triển khai với nhiều hình thức phong phú như phối hợp với các đơn vị trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề tổ chức triển lãm ngành nghề, cho học sinh tham quan thực tế tại trường, sinh hoạt chuyên đề... nhằm giúp học sinh có định hướng đúng đắn cho tương lai tuy nhiên do điều kiện thực tế của địa phương nên hoạt động trải nghiệm phần lớn chỉ thực hiện bên trong nhà trường [H1-1.8-01]; [H5-5.4-01].

b) Mỗi năm học, nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp từng năm học với các hoạt động giúp học sinh phát triển cá nhân, thúc đẩy học sinh hoạt động lao động, hoạt động xã hội.

3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm phần lớn chỉ thực hiện bên trong nhà trường nên chưa tạo cho các em sự hứng thú khi tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tăng cường tuyên truyền, thuyết phục trong phụ huynh về ích lợi của việc học nghề, các hoạt động trải nghiệm, thống nhất với phụ huynh về giải pháp

quản lý và tạo điều kiện tốt nhất cho con em tham gia học các hoạt động trải nghiệm bên ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục Học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của Học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho Học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của Học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn Học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của Học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3

Bước đầu, Học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với nhiều hình thức: lồng ghép trong giảng dạy các bộ môn, thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dã ngoại, tham quan hướng nghiệp, thông qua giờ dạy ngoại khoá, việc giáo dục về kỹ năng sống được phối hợp với công ty GAIA và giáo viên lồng ghép vào nội dung các bài học chính khóa trong chương trình các môn học như: Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Công nghệ, hoạt động giáo dục thông qua các hoạt động thảo luận theo

nhóm, thuyết trình, các trò chơi đồ vui trong học tập, ngoài ra còn được lồng ghép qua các chuyên đề giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp như tổ chức chuyên đề An toàn giao thông [H5-5.5-01].

b) Hàng năm, nhà trường phối hợp cùng các tổ chức, đoàn thể của địa phương tổ chức nhiều hội thi, chuyên đề cho học sinh với các nội dung như: phiên tòa giả định, hội thi về tìm hiểu Luật giao thông, chuyên đề về giới tính, giá trị sống ... Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh đã chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục [H5-5.5-03].

c) Hoạt động giáo dục kỹ năng sống trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp, trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với các tiêu chí giáo dục của nhà trường, pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.4-07]; [H2-2.4-04].

Mức 2:

a) Liên đội thường xuyên phát động các phong trào thi đua rèn kỹ năng sống cho học sinh: phong trào “Nói lời hay, làm việc tốt”, “Mắt thấy rác tay nhặt liền”, phong trào rèn tính chấp hành kỷ luật, thi đua học tập cho học sinh ngay từ đầu năm học mới nhằm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện [H1-1.3-03].

b) Nhà trường chú trọng rèn luyện kỹ năng sống trong các hoạt động vui chơi, giải trí giúp học sinh được rèn luyện thường xuyên nhưng không cảm thấy nặng nề, thông qua hoạt động để rèn kỹ năng sống, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, rèn luyện cho học sinh kỹ năng nhận diện vấn đề; biết xác định tình huống, tự khẳng định; biết cách từ chối khi bị người xấu lôi kéo, dụ dỗ; xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống trong cuộc sống, đặc biệt là các tình huống nguy hiểm; tạo thói quen sinh hoạt tổ, nhóm trong học tập và các hoạt động giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động

ngoại khóa dưới hình thức các hội thi, các buổi tìm hiểu về Luật giao thông, giới tính từ đó hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh [H5-5.5-03].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và phát động tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, khéo tay kỹ thuật ở các bộ môn: Khoa học tự nhiên, Tin học, Công nghệ để bước đầu giúp học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên [H1-1.8-01]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề, các hội thi để học sinh tham gia nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường có tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học nhưng rất ít chủ yếu là tham gia các hội thi khéo tay kỹ thuật cấp Huyện và Thành phố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2024-2025, Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp trường với tất cả các môn để giúp học sinh phát triển toàn diện hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm Học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ Học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho Học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của Học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ Học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của Học sinh:

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có Học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có Học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ Học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt

ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ Học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ Học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% Học sinh bỏ học, không quá 05% Học sinh lưu ban; trường chuyên không có Học sinh lưu ban và Học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% Học sinh bỏ học, không quá 02% Học sinh lưu ban; trường chuyên không có Học sinh lưu ban và Học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực từ khá giỏi trở lên các năm học chiếm tỷ lệ trên 73,51%, xếp loại hạnh kiểm khá trở lên chiếm tỷ lệ trên 99,87%, đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01].

b) Học sinh lên lớp luôn đạt trên 98% và 100% tốt nghiệp Trung học cơ sở đảm bảo mục tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

c) Hàng năm, nhà trường luôn đổi mới phương thức định hướng phân luồng cho học sinh phù hợp với đối tượng học sinh từng năm, đảm bảo yêu cầu thực tế và mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường [H5-5.6-02]; [H5-5.6-04].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.6-02]; [H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp ổn định và có chuyển biến tích cực từng năm [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi về học lực luôn đạt trên 10% theo quy định và có khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá về học lực luôn đạt trên 30% theo quy định và có khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém về học lực có chuyển biến tích cực từ 5.76% giảm còn 3% [H5-5.6-03].

Học sinh có truyền thống chăm ngoan hiếu học, tỷ lệ học sinh xếp loại khá, tốt về hạnh kiểm luôn đạt trên 90% theo quy định và có khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm luôn dưới 1% [H5-5.6-02]; Tỷ lệ Học sinh lưu ban 3 năm gần đây luôn dưới 2% [H5-5.6-03]

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém về học lực có chuyển biến tích cực từ 5.76% giảm còn 3%.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh lưu ban, bỏ học vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo việc tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng phương pháp dạy học theo cá thể nhằm nâng cao các tỷ lệ học sinh khá, giỏi, giảm tỷ lệ học sinh yếu, kém của nhà trường

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật: Nhà trường thực hiện hiệu quả hoạt động đổi mới phương pháp và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, chú trọng việc bồi dưỡng học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu, kém. Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức, tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, chuyên đề kỹ năng sống thực sự đã thu hút học sinh tham gia một cách hào hứng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản: Tài liệu giáo dục địa phương còn hạn chế. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong học sinh chưa trải đều ở các nội dung và số lượng học sinh giỏi cấp huyện và thành phố chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động. Qua đó, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục, công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An đối chiếu các kết quả về quá trình hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với tiêu chuẩn đánh giá trường Trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018, nhà trường đã đạt được như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28	Tỷ lệ: 100%
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28	Tỷ lệ: 0%
Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28	Tỷ lệ: 100%
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 0/28	Tỷ lệ: 0%
Số lượng các tiêu chí đạt được Mức 3: 6/20	Tỷ lệ: 30%
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 14/20	Tỷ lệ: 70%

Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An: Mức 2.

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Củ Chi, ngày 15 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phần IV: PHỤ LỤC

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Biên bản niêm yết phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phước Vĩnh An.	Giai đoạn 2020-2025	Văn thư	Văn thư
	2	H1-1.1-02	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm 2020 - 2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	H1-1.1-03	Đường link niêm yết chiến lược Biên bản họp Hội đồng trường.	Năm học 2019- 2020 đến năm học 2023-2024	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng

Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng	Năm 2019-2024	Biên bản của Hội đồng thi đua, khen thưởng hằng năm	H1-1.2-03	3
-----------------	-----------------	---------------	--	-----------	---

	4	H1-1.1-04	Kế hoạch, biên bản kiểm tra giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường Kế hoạch hoạt động, biên bản sinh hoạt và nghị quyết của Hội đồng trường hằng năm và báo cáo tổng kết năm học.	Năm 2019 - 2024	Ban thanh tra nhân dân	Ban thanh tra nhân dân
	5	H1-1.1-05	Link hình ảnh đối thoại học đường.	Năm học 2019-2024	Ban thanh tra nhân dân	Ban thanh tra nhân dân
Tiêu chí 1.2	1	H1-1.2-01	Quyết định thành lập Hội đồng trường.	Năm 2020 - 2025	Phòng Giáo dục	Hiệu trưởng
	2	H1-1.2-02	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật.	Năm học 2019-20120 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	3	H1-1.2-03	Biên bản của Hội đồng thi đua, khen thưởng hằng năm	Năm 2019-2024	Thư ký Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng trường
	4	H1-1.2-04	Biên bản rà soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng	Năm 2019-2024	Thư ký Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng trường
Tiêu chí 1.3	1	H1-1.3-01	Quyết định BCH Công đoàn Quyết định BCH Chi đoàn Quyết định BCH Liên Đội Quyết định BCH Hội chữ Thập đỏ Quyết định BCH Chi Hội khuyến học		Liên đoàn lao động huyện Củ Chi Ban chấp hành Đoàn xã Phước Vĩnh An Hội đồng đội Hội chữ thập đỏ huyện Củ Chi Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.3-02	Sổ họp Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn	Năm 2019 - 2020	Bí thư Chi bộ, Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn	Văn thư

	3	H1-1.3-03	Sổ kế hoạch Liên Đội	Năm 2019 - 2020	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
	4	H1-1.3-04	Biên bản đánh giá, xếp loại các tổ chức Đoàn thể	Năm 2019 - 2024	Công đoàn ngành, Đoàn xã, Hội đồng Đội	Văn thư
	5	H1-1.3-05	Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ	Năm 2020 - 2025	Đảng ủy xã Phước Vĩnh An	Hiệu trưởng
	6	H1-1.3-06	Báo cáo tổng kết Chi bộ Báo cáo tổng kết Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội	Năm 2019 - 2024	Bí thư Chi bộ Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn, Tổng phụ trách	Văn thư
	7	H1-1.3-07	Giấy khen Chi bộ Giấy khen Công đoàn Giấy khen Chi đoàn Giấy khen Liên đội mạnh	Năm 2019 - 2024	Bí thư Chi bộ Chủ tịch Liên đoàn lao động Ban chấp hành Đoàn xã Phước Vĩnh An Hội đồng đội	Văn thư
	8	H1-1.3-08	Hồ sơ Chi hội khuyến học	Năm 2019 - 2024	Chi hội trưởng	Phó hiệu

						trưởng
Tiêu chí 1.4	1	H1-1.4-01	Hồ sơ Hiệu trưởng	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	H1-1.4-02	Hồ sơ Phó Hiệu trưởng	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	H1-1.4-03	Quyết định phân công tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn và tổ trưởng tổ văn phòng	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	H1-1.4-04	Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn; hoạt động của văn phòng	Năm 2019 - 2024	Tổ chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	5	H1-1.4-05	Hồ sơ chuyên đề chuyên môn	Năm 2019 - 2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	H1-1.4-06	Hồ sơ tổ chuyên môn	Năm 2019 - 2024	Tổ trưởng, nhóm trưởng	Phó hiệu trưởng
	7	H1-1.4-07	Báo cáo tổng kết chuyên	Năm 2019 - 2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu

			môn			trưởng
Tiêu chí 1.5	1	H1-1.5-01	Sổ đăng bộ	Năm 2019 - 2024	Học vụ	Học vụ
	2	H1-1.5-02	Sổ theo dõi đánh giá học sinh.	Năm 2019 - 2024	Học vụ	Học vụ
	3	H1-1.5-03	Sổ chủ nhiệm	Năm 2019 - 2024	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
	4	H1-1.5-04	Danh sách học sinh các lớp đầu năm học.	Năm 2019 - 2024	Học vụ	Học vụ
Tiêu chí 1.6	1	H1-1.6-01	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản tài chính, công văn đi, đến	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	2	H1-1.6-02	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	3	H1-1.6-03	Dự toán ngân sách hằng năm	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán

	4	H1-1.6-04	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	H1-1.6-05	Biên bản tự kiểm tra tài chính của đơn vị, hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm 2014 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	H1-1.6-06	Biên bản cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2019 - 2024	Thư ký Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng trường
	7	H1-1.6-07	Biên bản kiểm tra tài chính của cấp trên	Năm 2019 - 2024	Phòng tài chính huyện Củ Chi	Hiệu trưởng
	8	H1-1.6-08	Báo cáo tài chính định kỳ	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	9	H1-1.6-09	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	10	H1-1.6-10	Các tờ trình, văn bản đề nghị	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên

			của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường			kế toán
	11	H1-1.6-11	Kế hoạch tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ giáo dục hằng năm	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	1	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.7-02	Bảng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm 2014 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H1-1.7-03	Bản mô tả công việc theo vị trí việc làm	Năm 2024	Cán bộ quản lý, Giáo viên, Công nhân viên	Hiệu trưởng
	4	H1-1.7-04	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng	Năm 2019 - 2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán

	5	H1-1.7-05	Biên bản Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm	Năm 2019 - 2024	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng
Tiêu chí 1.8	1	H1-1.8-01	Hồ sơ duyệt kế hoạch năm học	Năm 2019 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.8-02	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm 2019 - 2024	Giáo viên	Văn thư
	3	H1-1.8-03	Hồ sơ thi đua	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	H1-1.8-04	Sổ ghi đầu bài	Năm 2019 - 2024	Học vụ	Học vụ
	5	H1-1.8-05	Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	H1-1.9-01	Quy chế dân chủ của nhà trường	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.9-02	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	3	H1-1.9-03	Kế hoạch giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường	Năm 2019 - 2024	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Ban thanh tra nhân dân
	4	H1-1.9-04	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân	Năm 2019 - 2024	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Ban thanh tra nhân dân
Tiêu chí 1.10	1	H1-1.10-01	Phương án về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H1-1.10-02	http://thcsphuocvinhan.hcm.edu.vn/su-kien/dai-hoi-dai-bieu-cha-me-hoc-sinh-va-doi-thoai-hoc-duong-nam-hoc-2018-2019-c65489-330250.aspx	Năm học 2019 - 2024	Phó hiệu trưởng	Website

	3	H1-1.10-03	Biên bản kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm 2019 - 2024	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	4	H1-1.10-04	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy.	Năm 2019 - 2024	Bảo vệ	Phó Hiệu trưởng
	5	H1-1.10-05	Hình ảnh diễn tập phòng cháy chữa cháy	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	6	H1-1.10-06	Quy chế phối hợp với công an xã nhằm đảm bảo trật tự trước cổng trường, đảm bảo an toàn cho giáo viên, học sinh.	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	H2-2.1-01	Phiếu đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hằng năm	Năm 2019 - 2024	Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Củ Chi	Văn thư
	2	H2-2.1-02	Biên bản lấy ý kiến tín nhiệm của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo	Năm 2019 - 2024	Thư ký Hội đồng	Văn thư

			dục của cán bộ quản lý			
	3	H2-2.1-03	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hè.	Năm 2019 - 2024	Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
	4	H2-2.1-04	Giấy chứng nhận Cán bộ quản lý tham gia các lớp Bồi dưỡng của cấp trên	Năm 2019 - 2024	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo	Văn thư
Tiêu chí 2.2	1	H2-2.2-01	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo.	Năm 2019 - 2024	Phó hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H2-2.2-02	Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp hằng năm	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.3	1	H2-2.3-01	Quyết định phân công năm học.	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư

	2	H2-2.3-02	Hồ sơ nhân viên	Năm 2019 - 2024	Văn thư	Văn thư
	3	H2-2.3-03	Quyết định công nhận lao động tiên tiến.	Năm 2019 - 2024	Văn thư	Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	H2-2.4-01	Hồ sơ tuyển sinh	Năm 2019 - 2024	Học vụ	Học vụ
	2	H2-2.4-02	Biên bản họp phụ huynh học sinh.	Năm 2019 - 2024	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
	3	H2-2.4-03	Quyết định khen thưởng và hình ảnh khen thưởng giáo viên, học sinh.	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	H2-2.4-04	Báo cáo sơ, tổng kết năm học	Năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	H3-3.1-01	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường.	Năm 2013,2024	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Văn thư
	2	H3-3.1-02	Hình ảnh khuôn viên trường,	Năm 2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu

			phòng học, phòng chức năng.			trưởng
Tiêu chí 3.2	1	H3-3.2-01	Sổ quản lý tài sản, thiết bị	Năm 2019 - 2024	Kế toán	Kế toán
	2	H3-3.2-02	Hồ sơ công nhận thư viện đạt chuẩn	Năm 2019 - 2024	Nhân viên thư viện	Kế toán
	3	H3-3.2-03	Biên bản kiểm kê tài sản từng khối phòng	Năm 2019 - 2024	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.3	1	H3-3.3-01	Hợp đồng bảo trì, chứng từ	Năm 2019 - 2024	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.4	1	H3-3.4-01	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch	Năm 2019 - 2024	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	2	H3-3.4-02	Hợp đồng nước uống Hợp đồng thu gom rác thải	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	H3-3.4-03	Hình ảnh nhà vệ sinh	Năm 2019 - 2024	Nhân viên y tế	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí 3.5	1	H3-3.5-01	Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường;	Năm 2019 - 2024	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	2	H3-3.5-02	Sổ mượn thiết bị đồ dùng dạy học và theo dõi sử dụng đồ dùng dạy học trên lớp của giáo viên	Năm 2019 - 2024	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
	3	H3-3.5-03	Kế hoạch bổ sung đồ dùng thiết bị. Kế hoạch đồ dùng dạy học tự làm.	Năm 2019 - 2024	Nhân viên Thiết bị	Nhân viên Thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	H3-3.6-01	Hồ sơ quản lý thư viện	Năm 2019 - 2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	2	H3-3.6-02	Sổ theo dõi mượn, trả sách	Năm 2019 - 2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	3	H3-3.6-03	Kế hoạch công tác, chuyên đề của thư viện	Năm 2019 - 2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện

	4	H3-3.6-04	Biên bản kiểm tra thư viện	Năm 2019 - 2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	H3-3.6-05	Kết quả đánh giá thư viện hằng năm	Năm 2019 - 2024	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.	Nhân viên thư viện
	6	H3-3.6-06	Báo cáo tổng kết công tác thư viện	Năm 2019 - 2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
Tiêu chí 4.1	1	H4-4.1-01	Hồ sơ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh	Năm 2019 - 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H4-4.1-02	Hình ảnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2019 - 2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H4-4.1-03	Hồ sơ thu chi của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2019 - 2024	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện cha mẹ học sinh
Tiêu chí 4.2	1	H4-4.2-01	Sổ nghị quyết chi bộ	Năm 2019 - 2024	Bí thư chi bộ	Hiệu trưởng bộ

	2	H4-4.2-02	Kế hoạch hoạt động ngoại khóa	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H4-4.2-03	Hình ảnh tham quan ngoại khóa	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	H4-4.2-04	Hình ảnh chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Năm 2019 - 2024	Tổng phụ trách	Phó Hiệu trưởng
	5	H4-4.2-05	Văn bản công nhận nhà trường đạt đơn vị văn hóa	Năm 2019 - 2024	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	H5-5.1-01	Các hình ảnh về sinh hoạt chuyên môn; Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.1-02	Kế hoạch kiểm tra định kỳ	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.1-03	Đánh giá đề kiểm tra và bài làm học sinh.	Năm 2019 - 2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng

	4	H5-5.1-04	Báo cáo sơ kết từng bộ môn	Năm 2019 - 2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng
	5	H5-5.1-05	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	6	H5-5.1-06	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	7	H5-5.1-07	Hồ sơ giáo dục học sinh hòa nhập khuyết tật	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	H5-5.2-01	Sổ theo dõi bồi dưỡng học sinh giỏi	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.2-02	Sổ theo dõi phụ đạo học sinh yếu	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	H5-5.3-01	Kế hoạch giáo dục địa phương	Năm 2019 - 2024	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.3-02	Ngân hàng đề từng bộ môn	Năm 2019 - 2024	Tổ, nhóm trưởng	Phó Hiệu

					chuyên môn	trưởng
	3	H5-5.3-03	Tư liệu giáo dục địa phương	Năm 2019 - 2024	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	H5-5.4-01	Kế hoạch hướng nghiệp, dạy nghề	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.4-02	Báo cáo đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, hướng nghiệp	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	H5-5.5-01	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.5-02	Kế hoạch tổ chức các cuộc thi cấp trường	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.5-03	Hình ảnh các hoạt động giáo dục kỹ năng sống	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí 5.6	1	H5-5.6-01	Hồ sơ xét duyệt cuối năm đối với học sinh	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	2	H5-5.6-02	Hồ sơ xét tốt nghiệp	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	H5-5.6-03	Hồ sơ kiểm tra lại	Năm 2019 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	H5-5.6-04	Kết quả tuyển sinh vào lớp 10	Năm học 2019 -2020 đến năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng